

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/06/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01- 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
1. Bảng cân đối kế toán	05 - 08
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011)
Ông Hajime Kaburagi	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011)

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Phan Văn Nghiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2011)
Ông Lê Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/05/2011)
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Huân	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Bà Đào Thị Kiều Trinh	Kế toán trưởng (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2011)

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 29 (đính kèm).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần	102.691.328.818 đồng
Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán	2.677.157.707 đồng

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- ❖ Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.
- ❖ Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

4. Công ty kiểm toán

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 cho Công ty.

5. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Như đã nêu ở **mục 6.3** thuyết minh báo cáo tài chính, mặc dù có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của công ty vào ngày 01/07/2011, nhưng Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Ngày 30 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được lập vào ngày 30/06/2011 từ trang 05 đến trang 29 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của Chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Như đã nêu tại mục **4.3** Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng 5.666,10 m² đất còn lại tại KDC Mỹ Thạnh Hưng theo sổ kế toán là **179.919.325** đồng. Tuy nhiên giá trị hiện hành tính theo khung giá đất của Nhà nước lô đất trên theo hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐTC ngày 09/02/2010 với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang, là 22.664.400.000 đồng. Sự khác biệt này là do phần lớn chi phí để có được quyền sử dụng đất trên đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động tương ứng với diện tích đất đã bán trong các năm trước.

Điều này dẫn đến việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất trên sổ sách tại ngày 30/06/2011 chưa hợp lý và làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh các năm.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THỊ NGỌC NGA
Chứng chỉ KTV số: 0351/ KTV



NGUYỄN NHÂN BÀO
Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.114.175.110	241.037.666.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.680.099.779	31.528.658.579
1. Tiền	111	4.1	4.055.599.779	11.315.343.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.624.500.000	20.213.314.981
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	97.032.763.270	151.964.915.929
1. Phải thu khách hàng	131		55.493.964.353	89.650.617.666
2. Trả trước cho người bán	132		4.629.289.358	18.422.130.203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		38.211.883.617	45.194.542.118
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.302.374.058)	(1.302.374.058)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	106.468.906.581	54.453.802.691
1. Hàng tồn kho	141		106.468.906.581	54.453.802.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	3.932.405.480	3.090.288.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		332.122.510	234.899.337
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.479.674.193	1.333.930.289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		74.964.900	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.045.643.877	1.521.459.343

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.065.801.499	79.947.508.407
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.623.145.257	2.068.846.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	3.131.053.166	2.068.846.494
- Nguyên giá	222		5.906.857.785	4.613.602.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.775.804.619)	(2.544.756.376)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	492.092.091	-
III. Bất động sản đầu tư	240		802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241	4.7	802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	70.670.245.695	70.670.245.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		70.410.245.695	70.410.245.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.9	4.970.302.547	6.406.308.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		118.592.060	118.387.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.851.710.487	6.287.921.034
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295.179.976.609	320.985.174.575

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		157.249.443.334	184.798.207.423
I. Nợ ngắn hạn	310	4.10	103.178.366.244	135.708.066.663
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		6.175.673.987	7.123.519.758
2. Phải trả người bán	312		14.154.259.580	41.048.408.048
3. Người mua trả tiền trước	313		16.989.547.356	15.836.396.408
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		2.050.675.639	6.210.907.822
5. Phải trả người lao động	315		840.717.094	3.433.633.842
6. Chi phí phải trả	316		27.576.174.511	26.776.731.333
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		28.791.690.659	22.859.938.563
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		135.727.000	135.727.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.463.900.418	12.282.803.889
II. Nợ dài hạn	330		54.071.077.090	49.090.140.760
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.11	54.071.077.090	48.704.527.090
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	385.613.670
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.930.533.275	136.186.967.152
I. Vốn chủ sở hữu	410		137.930.533.275	136.186.967.152
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.12	10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.751.323.436	31.751.323.436
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.325.419.385	5.325.419.385
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.13	10.153.790.454	8.410.224.331
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ và sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295.179.976.609	320.985.174.575

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



 Phan Văn Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	103.503.617.311	87.519.143.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		812.288.493	109.444.875
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	102.691.328.818	87.409.699.040
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	95.953.895.748	62.518.611.641
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.737.433.070	24.891.087.399
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.984.857.546	3.701.607.977
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.952.517.881	1.041.347.762
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.952.517.881	1.041.347.762
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	692.291.820	2.348.430.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.147.511.349	5.716.505.247
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.929.969.566	19.486.411.577
11. Thu nhập khác	31	5.7	816.985.047	2.429.327.865
12. Chi phí khác	32	5.8	69.796.906	2.363.981.438
13. Lợi nhuận khác	40		747.188.141	65.346.427
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.677.157.707	19.551.758.004
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	595.609.022	6.619.117.537
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	1.436.210.547	(679.694.370)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		645.338.138	13.612.334.837
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		81	1.945

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng


 Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



 Phan Văn Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	2.677.157.707	19.551.758.004
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	231.048.243	163.367.051
-	Các khoản dự phòng	03	-	(619.798.425)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(946.990.704)	(2.226.613.949)
-	Chi phí lãi vay	06	1.952.517.881	1.041.347.762
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	3.913.733.127	17.910.060.443
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	53.868.425.552	24.776.500.134
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(52.015.103.890)	(14.965.887.593)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(17.598.265.228)	(33.564.759.128)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(97.428.049)	(879.431.876)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(1.952.517.881)	(1.041.347.762)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.790.688.727)	(336.181.339)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	475.815.466	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(305.769.008)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(18.196.029.630)	(8.406.816.129)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.785.347.006)	(543.198.196)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	64.754.305
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.003.440.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	790.009.007	3.424.576.790
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(995.337.999)	3.949.572.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
 Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.755.349.392
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.365.245.163)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(971.400.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.075.895.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.657.191.171)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.848.558.800)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.528.658.579
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.680.099.779

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc




Phan Văn Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 28/09/2010.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng tương đương 8.000.000 cổ phần

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng Ticco có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản Ticco có trụ sở đặt tại 166 Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đấu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 06

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao

3.7 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.8 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước có thời hạn trong 12 tháng hoặc chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ dụng cụ có giá trị lớn đã xuất dùng trong năm tài chính, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn hoặc các chi phí tiếp thị, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.9 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.11 Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng (Thuyết minh chính sách theo mẫu)

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.13 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 30/06/2011 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/06/2011 là 88.430.626.604 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng = $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 6 tháng đầu năm 2011 là 3.205,50 m².

3.14 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
Tiền mặt tại quỹ	308.708.098	2.897.309.103
Tiền gửi ngân hàng	3.746.891.681	8.418.034.495
Các khoản tương đương tiền	3.624.500.000 (*)	20.213.314.981
Cộng	7.680.099.779	31.528.658.579

(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tuần và 03 tuần tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/2011		01/01/2011
Phải thu khách hàng	55.493.964.353	(a)	89.650.617.666
Trả trước cho người bán	4.629.289.358	(b)	18.422.130.203
Các khoản phải thu khác	38.211.883.617	(c)	45.194.542.118
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.302.374.058)	(d)	(1.302.374.058)
Cộng	97.032.763.270		151.964.915.929
(a) Phải thu khách hàng, chủ yếu:			
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco			12.960.328.964
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco			5.992.404.503
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40			6.763.061.900
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng			8.487.436.055
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng			2.709.434.000
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9			5.161.842.281
Ban quản lý Dự án Nông Nghiệp Long An			3.491.330.000
(b) Trả trước cho người bán, chủ yếu:			
Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang			1.033.851.817
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco			566.121.008
Công ty SAGEL			115.496.500
Ông Trần Minh Hiếu			139.661.840
Ban Bồi Thường hỗ trợ & Tái Định Cư TX Gò Công			780.000.000
XN Tư Vấn Thiết Kế - Công ty CP Địa Ốc Tân Bình			165.588.000
Công ty CP Cơ Khí & Xây Lắp 276			717.858.000
Ông Trần Văn Tường			149.375.000
DNTN Sáu Thành Đạt			117.857.000
DNTN XD & TM Hiệp Tâm			235.877.000
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Suối Tiên			107.500.000
(c) Phải thu khác, chủ yếu:			
Phải thu lợi nhuận từ các công ty con, trong đó :			29.824.251.699
+ Lợi nhuận của Công ty TNHH MTV Bê Tông			27.824.251.699
+ Lợi nhuận của Công ty Xây Dựng Giao thông			2.000.000.000
Phải thu ông Huỳnh Phú Gia – Tiền góp vốn hộ			2.109.099.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang			5.198.033.868

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) Bao gồm dự phòng các khoản nợ khó đòi sau:

Công ty CP ĐT & XD 40	368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360
Ban QL các dự án ĐT & XD Công trình Giao thông Tiền Giang	7.879.323

4.3 Hàng tồn kho

	<u>30/06/2011</u>		<u>01/01/2011</u>
Nguyên vật liệu	372.624.127		331.122.745
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	105.445.233.780 (*)		53.423.124.901
Hàng hóa	651.048.674		699.555.045
Cộng	<u>106.468.906.581</u>		<u>54.453.802.691</u>

(*) Bao gồm giá trị của các công trình xây dựng dở dang, chủ yếu:

Công trình Tân Thanh Hưng	560.180.800
Công trình KDC Mỹ Thạnh Hưng	664.833.275
Công trình Công Bình Lợi	1.429.085.129
Công trình biệt thự mẫu KDC Long Thạnh Hưng	1.454.246.476
Công trình huyện Tân Phước	2.515.153.000
Công trình hồ chứa nước Cù Chi	3.834.738.218
Gia công, sửa chữa của XN Cơ Khí	4.370.832.291
Công trình KDC Long Thạnh Hưng	32.254.366.880
Công trình KDC đường Trương Định nối dài	58.162.182.636

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>30/06/2011</u>		<u>01/01/2011</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	332.122.510 (a)		234.899.337
Thuế GTGT được khấu trừ	2.479.674.193		1.333.930.289
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	74.964.900 (b)		-
Tài sản ngắn hạn khác	1.045.643.877 (c)		1.521.459.343
Cộng	<u>3.932.405.480</u>		<u>3.090.288.969</u>

(a) Bao gồm:

Chi phí trả trước chi phí quảng cáo cho KDC Long Thạnh Hưng	158.717.070
Chi phí trả trước KDC đường Trương Định nối dài	96.095.000
Khác (bao gồm chi phí dụng cụ, đồng phục, chi phí thuê mặt bằng)	77.310.440

(b) Tạm nộp tiền thuê đất năm 2011 cho nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Tài sản ngắn hạn khác bao gồm:

Tạm ứng	799.203.958
Ký quỹ ngắn hạn	246.439.919

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
SDĐK	1.061.812.189	1.066.171.630	2.346.300.682	139.318.369	4.613.602.870
Tăng trong kỳ	230.002.916	-	791.051.999	272.200.000	1.293.254.915
- Mua sắm				272.200.000	272.200.000
- XDCB	230.002.916		791.051.999		1.021.054.915
Giảm trong kỳ					
SDCK	1.291.815.105	1.066.171.630	3.137.352.681	411.518.369	5.906.857.785
Hao mòn lũy kế					
SDĐK	918.467.721	302.249.443	1.207.136.248	116.902.964	2.544.756.376
Tăng trong kỳ	20.206.725	67.922.284	131.415.446	11.503.788	231.048.243
Khấu hao	20.206.725	67.922.284	131.415.446	11.503.788	231.048.243
Giảm trong kỳ					
SDCK	938.674.446	370.171.727	1.338.551.694	128.406.752	2.775.804.619
Giá trị còn lại					
SDĐK	143.344.468	763.922.187	1.139.164.434	22.415.405	2.068.846.494
SDCK	353.140.659	695.999.903	1.798.800.987	283.111.617	3.131.053.166

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	441.521.251
Máy móc, thiết bị	188.294.545
Phương tiện vận tải	377.201.756
Thiết bị quản lý	112.682.005
Cộng	1.119.699.557

Nguyên giá TSCĐ cầm cố, thế chấp:

Máy móc, thiết bị	542.529.103
Phương tiện vận tải	2.346.300.682
Thiết bị quản lý	125.706.332

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai tại phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bao gồm các nền nhà liên kế và nền biệt thự với tổng diện tích 44,158 m ²	89.000.000.000
Cộng	92.014.536.117

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 492.092.091

Là chi phí sửa chữa văn phòng công ty chưa hoàn thành.

4.7 Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Hao mòn lũy kế (*)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao theo TT 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

4.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011		01/01/2011
Đầu tư vào công ty con	70.410.245.695	(a)	70.410.245.695
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.000.000	(b)	260.000.000
Cộng	70.670.245.695		70.670.245.695

(a) Góp vốn vào các công ty con sau:

	Tỷ lệ góp vốn	Vốn góp thực tế
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	100,00 %	38.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	100,00 %	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	62,05 %	12.410.245.695

(b) Vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, giảm tỷ lệ sở hữu từ 80,77% xuống còn 20%, do đó Công ty Testco là Công ty con trong năm 2009 chuyển thành Công ty liên kết.

4.9 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2011		01/01/2011
Chi phí trả trước dài hạn	118.592.060		118.387.184
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.851.710.487	(*)	6.287.921.034
Cộng	4.970.302.547		6.406.308.218

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Số dư đầu kỳ	6.287.921.034	6.526.740.512
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	112.934.662	2.121.631.312
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	1.549.145.209	2.360.450.790
Số dư cuối kỳ	4.851.710.487	6.287.921.034

4.10 Nợ ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Vay và nợ ngắn hạn	6.175.673.987 (a)	7.123.519.758
Phải trả người bán	14.154.259.580 (b)	41.048.408.048
Người mua trả tiền trước	16.989.547.356 (c)	15.836.396.408
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.050.675.639 (d)	6.210.907.822
Phải trả người lao động	840.717.094	3.433.633.842
Chi phí phải trả	27.576.174.511 (e)	26.776.731.333
Phải trả, phải nộp khác	28.791.690.659 (f)	22.859.938.563
Dự phòng phải trả ngắn hạn	135.727.000 (g)	135.727.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.463.900.418	12.282.803.889
Cộng	103.178.366.244	135.708.066.663

(a) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang theo Hợp đồng vay ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 04/11/2010. Hạn mức tín dụng 15.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động thi công công trình, gia công sửa chữa thiết bị. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản như sau:

Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2010/HĐ ngày 04/11/2010, tài sản thế chấp theo giá trị định giá của Ngân hàng là 2.496.610.454 đồng.

Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa số 90 Đình Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh TG theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2010/HĐ ngày 04/11/2010.

(b) **Phải trả người bán** chủ yếu phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang	513.777.885
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	8.092.684.684
Công ty Cơ Khí CT Thủy 276	462.585.026
Công ty Cổ Phần Công Nghệ CN INTEC	850.853.333
Công ty TNHH XD Hữu Quế	475.572.983
Công ty CP Bảo Hiểm Petrolimex	377.600.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty XD Công Trình Giao Thông Bến Tre	338.723.501
Công ty Nạo Vét Đường Thủy 2	182.461.000
Công ty TNHH Khánh Giang	578.712.000
Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng	496.802.958
Công ty TNHH Hoà Điền	780.861.363
(c) Người mua trả tiền trước chủ yếu là các khoản ứng trước của các khách hàng sau:	
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 10	10.764.000.000
Ban Quản Lý các dự án Xây dựng Công trình Tiền Giang	2.055.000.000
Sở Nông Nghiệp & PTNT An Giang	3.018.867.054
(d) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước bao gồm:	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.919.066.309
Thuế thu nhập cá nhân	130.609.330
Thuế khác	1.000.000
(e) Là khoản trích trước giá vốn hàng bán theo dự toán thi công cho dự án Khu Dân Cư Long Thạnh Hưng	
(f) Các khoản phải trả khác chủ yếu bao gồm:	
Kinh phí công đoàn	66.578.995
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	66.688.732
Ông Đào Thanh Phong - Ứng trước tiền mua nhà tại Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	267.176.417
Phải trả về cổ phần hóa	7.000.000.000
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp	4.251.265.027
Nhận trước tiền mua đất tại KDC Đường Trương Định của các cá nhân	16.985.017.450
(g) Trích dự phòng cho Công trình Kênh Phước Xuyên 28.	

4.11 Vay và nợ dài hạn

	<u>30/06/2011</u>		<u>01/01/2011</u>
Vay dài hạn	50.042.477.090	(a)	43.704.527.090
Nợ dài hạn	4.028.600.000	(b)	5.000.000.000
Cộng	<u>54.071.077.090</u>		<u>48.704.527.090</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Vay dài hạn bao gồm các khoản vay tại các Ngân hàng theo các hợp đồng sau:

	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Dư nợ đến 30/06/2011
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL chi nhánh Tiền Giang	Thực hiện dự án KDC Long Thạnh Hưng và Công trình đường Trương Định nối dài	Tài sản hình thành từ vốn vay	26.600.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tiền Giang	Vốn đầu tư đường giao thông KDC Long Thạnh Hưng	GCNQSDD số AL 153971 và AN 780852	2.468.635.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	Nhận chuyển nhượng đất UBND xã Gò Công	QSDD tại khu phố 12B, TP. Mỹ Tho	13.125.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	Mua 02 tàu hút bùn	TS hình thành từ vốn vay	7.848.842.090
			50.042.477.090

(b) Nợ dài hạn

Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PL-HĐTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco sử dụng.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Cổ đông là nhân viên Văn phòng Công ty	15.482.900.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	5.359.100.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	2.838.600.000
Cổ đông là nhân viên Xí nghiệp Cơ khí	956.900.000
Cổ đông ngoài	55.362.500.000
Cộng	80.000.000.000

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000)

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.13 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến ngày 01/01/2011	8.410.224.331
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước từ các quỹ không sử dụng	3.148.227.985
<i>Quỹ phúc lợi</i>	2.750.508.588
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị</i>	397.719.397
Lợi nhuận sau thuế giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011	645.338.138
Phân phối lợi nhuận	2.050.000.000
<i>Trích bổ sung cổ tức năm 2010 cho cổ đông</i>	2.050.000.000
Lợi nhuận lũy kế đến ngày 30/06/2011	10.153.790.454

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Tổng doanh thu	103.503.617.311	87.519.143.915
Giảm giá hàng bán	812.288.493	109.444.875
Doanh thu thuần bao gồm:	102.691.328.818	87.409.699.040
+ <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	82.550.318.340	39.319.518.818
+ <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	6.113.416.800	43.676.869.750
+ <i>Doanh thu bán vật liệu</i>	6.072.807.791	2.846.872.999
+ <i>Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa</i>	7.949.604.069	1.564.073.837
+ <i>Doanh thu khác</i>	5.181.818	2.363.636

5.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
Giá vốn công trình xây dựng	81.040.562.633	37.257.665.500
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.671.239.662	20.615.666.920
Giá vốn vật liệu	5.585.446.895	3.315.532.493
Giá vốn Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa	6.656.646.558	1.329.746.728
Cộng	<u>95.953.895.748</u>	<u>62.518.611.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	1.394.850.175	3.071.766.161
Lãi nhượng bán cổ phần	-	178.945.500
Lãi cho vay	799.998.364	424.087.331
Cổ tức	790.009.007	26.808.985
Cộng	2.984.857.546	3.701.607.977

5.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Chi phí lãi vay	1.952.517.881	1.041.347.762
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	1.952.517.881	1.041.347.762

5.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Chi phí nhân viên bán hàng	332.637.494	754.557.126
Chi phí dụng cụ bán hàng	9.928.480	40.997.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.621.340	13.023.737
Chi phí bằng tiền khác	341.104.506	1.539.852.461
Cộng	692.291.820	2.348.430.790

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Chi phí lương nhân viên	2.175.959.531	2.886.742.883
Chi phí vật liệu quản lý	345.582.909	409.402.341
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.077.307	52.034.658
Chi phí khấu hao	174.892.159	144.614.006
Thuế, phí và lệ phí	116.989.017	270.646.692
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(596.614.425)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.561.159	262.728.177
Chi phí bằng tiền khác	1.556.449.267	2.286.950.915
Cộng	5.147.511.349	5.716.505.247

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Chênh lệch từ góp vốn bằng tài sản	-	1.406.504.589
Xử lý công nợ	806.944.358	-
Thu bồi thường, phạt vi phạm	-	958.487.763
Thu nhập khác	10.040.689	64.335.513
Cộng	816.985.047	2.429.327.865

5.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	-	1.409.833.162
Xử lý giá trị vật tư thiếu so với kiểm kê	30.305.472	-
Chi phí bồi thường sạt lở kè Hiệp Thạnh	-	953.197.063
Chi phí khác	39.491.434	951.213
Cộng	69.796.906	2.363.981.438

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Hoạt động SXKD và hoạt động khác	Hoạt động chuyên quyền sử dụng đất	Cộng
Lợi nhuận trước thuế TNDN từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011	367.872.068	2.309.285.639	2.677.157.707
Các khoản làm tăng thu nhập tính thuế	469.781.138	25.506.250	495.287.388
Chi phí không hợp lý hợp lệ (Chi phí hỗ trợ chấm dứt hợp đồng lao động)	469.781.138	25.506.250	495.287.388
Các khoản làm giảm thu nhập tính thuế	790.009.007		790.009.007
Cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết	790.009.007		790.009.007
Thu nhập chịu thuế TNDN	47.644.199	2.334.791.889	2.382.436.088
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	11.911.050	583.697.972	595.609.022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.911.050	583.697.972	595.609.022
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh	-	(112.934.662)	(112.934.662)
Thuế TNDN hoãn lại hoàn nhập	-	1.549.145.209	1.549.145.209
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	1.436.210.547	1.436.210.547

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Các bên liên quan

Các bên coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	Công ty con

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	Công ty con	- XNVLXD bán vật tư	1.468.479.622
		- XNCKSC gia công	123.240.083
		- CP bảo lãnh dự thầu	98.397.925
		- Khối lượng công trình nghiệm thu	58.676.138.095
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	Công ty con	- Bảo hiểm rủi ro TS 2011	28.518.123
		- Lãi thuê TC	430.703.057
		- Mua bê tông tươi	24.078.152
		- XN KDVLXD bán vật tư	2.934.865.427
		- XNCK gia công, sửa chữa	460.749.243
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	Công ty con	- Cổ tức được chia	642.500.000
		- Chi phí bảo lãnh dự thầu	107.998.812
		- Lãi chậm trả phải thu	799.481.697
		- Khối lượng công trình nghiệm thu	14.650.508.428

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số dư ngày 30/06/2011
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	Công ty con	- Phải thu khách hàng	5.992.404.503
		- Phải thu lợi nhuận nộp về	2.000.000.000
		- Phải thu khác (TK 138)	46.247.621
		- Phải thu từ XNKD VLXD	28.675.485
		- Trả trước khối lượng công trình	566.121.008
		- Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu	8.092.684.684
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	Công ty con	- Phải thu khách hàng	12.960.328.964
		- Phải thu lợi nhuận nộp về	27.824.251.699

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	Công ty con	- Phải thu khác (Nợ gốc và lãi vay)	5.198.033.868
		- Phải trả thương mại	513.777.885
		- Ứng trước khối lượng thi công	1.033.851.817
		- Phải trả người bán	513.777.885

6.3 Sự kiện sau niên độ

Từ ngày 01/07/2011 đến thời điểm phát hành báo cáo này, thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của công ty có sự thay như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Chức danh

Ông Đoàn Thành Đạt

Chủ tịch

Ông Lê Văn Điệp

Phó Chủ tịch

Ông Lê Vinh Hiền

Thành viên

Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo

Thành viên

Ông Trần Hoàng Huân

Thành viên

Ông Trần Ngọc Tuấn

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011)

Ông Hajime Kaburagi

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011 và bãi nhiệm từ ngày 24/07/2011)

Ông Lê Phú Cự

Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/07/2011)

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc

Chức danh

Ông Phan Văn Nghiệp

Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Tiên

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Hoàng Sơn




Phan Văn Nghiệp